ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 16 /QĐ-UBND	*Chư Pưh, ngày 02 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sử đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT - BTC ngày 31/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2021/NQ - HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số: 32/TTr-TCKH ngày 17 tháng 02 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng Phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3 (thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT HĐND-UBND huyện;
- Các phòng ban, đơn vị sự nghiệp thuộc huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Quang Thái

Người ký: Uỷ ban Nhân dân huyện Chư Pưh
Email: ubndchupuh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 02.03.2022 15:19:34 +07:00

BIỂU 1: CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 16 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2021	Dự toán tỉnh giao năm 2022	TW hưởng	Tỉnh hưởng	Huyện hưởng	Huyện giao tăng thu năm 2021	Huyện giao năm 2022
	TỔNG THU NSNN	**28,540**	**63,830**	**2,760**	**5,380**	**55,690**	**7,552**	**71,382**
I	**Thu nội địa**	**28,540**	**63,610**			**55,690**	**-**	**63,610**
	Thu NS TW hưởng	2,940	2,760					2,760
	Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp	1,400	5,160					5,160
	Thu Ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	24,200	55,690			55,690		55,690
A	**THU CÂN ĐỐI NSNN (I + II)**	**28,540**	**63,830**	**2,760**	**5,380**	**55,690**	**7,552**	**71,382**
I	**Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước:**	**28,540**	**63,830**	**2,760**	**5,380**	**55,690**	**7,552**	**71,382**
1	**Thu từ ND NN TW**	**200**	**370**	**-**	**370**	**-**	**-**	**370**
	- Thuế giá trị gia tăng	200	370		370			370
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							-
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa, dịch vụ trong nước							-
	- Thuế tài nguyên							-
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý**		**220**	**-**	**220**	**-**	**-**	**220**
	- Thuế giá trị gia tăng		120		**120**			120
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		40		**40**			40
	- Thuế tài nguyên		60		**60**			60
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**						-	-
4	**Thuế CTN và DV Ngoài quốc doanh**	**4,700**	**9,300**	**-**	**-**	**9,300**	**-**	**9,300**
	- Thuế giá trị gia tăng	4,300	8,090			8,090		8,090
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	150	110			110		110
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50	-					-
	- Thuế tài nguyên	200	1,100			1,100		1,100
5	**Thuế sử dụng đất NN**							-
6	**Thuế nhà đất/thuế SD đất phi NN**							-
7	**Tiền sử dụng đất và đấu giá QSD đất**	**10,000**	**40,000**		**4,000**	**36,000**	**7,000**	**47,000**
-	Dự án Do tỉnh đầu tư và thu của các tổ chức kinh tế							-
-	Dự án do Ngân sách huyện đầu tư và thu từ các hộ gia đình, cá nhân					23,000	5,000	**5,000**
8	**Lệ phí trước bạ**	**2,500**	**2,900**			**2,900**		**2,900**
9	**Các loại phí, lệ phí**	**2,270**	**2,950**	**1,550**	**790**	**610**	**-**	**2,950**

	Phí, lệ phí Trung ương	1,270	1,550	1,550				1,550
	Phí, lệ phí tỉnh							-
	Phí, lệ phí huyện, xã	1,000	1,400		790	610		1,400
10	**Thuế BVMT/Phí xăng dầu**						-	-
11	**Thuế Thu nhập cá nhân**	**3,800**	**4,200**			**4,200**	**552**	**4,752**
12	**Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước**	**1,300**	**110**	-	-	**110**	-	**110**
	+ Thuê đất từ DNNN	1,200	-					-
	+ Thuê đất từ DN NQD	100	110			110		110
13	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**						-	-
14	**Thu từ xổ số kiến thiết**							-
15	**Thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận còn lại**							-
16	**Phạt VP hành chính do cơ quan thuế xử lý**	**200**	**250**	**250**				**250**
17	**Thu khác và phạt các loại**	**3,570**	**3,530**	**960**	-	**2,570**	-	**3,530**
-	Phạt trật tự an toàn giao thông	1,600	1,030	960	-	70	-	1,030
	+ Công an tỉnh thu							-
	+ Thanh tra giao thông tỉnh thu							-
	+ Công an huyện, thị xã, thành phố thu	1,470	960	960				960
	+ Cơ quan nhà nước cấp huyện và Công an xã, các lực lượng cấp xã xử lý	130	70			70	-	70
-	Thu khác ngân sách và phạt các loại	1,970	2,500			2,500		2,500
II	**Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu**							-
B	**Thu quản lý qua ngân sách**						-	-
C	**Tổng thu NS huyện, thị xã, thành phố**	**322,674**	**372,355**			**372,355**	-	**379,207**
1	**Thu NS huyện, thị xã, thành phố hưởng theo phân cấp**	**24,200**	**55,690**			**55,690**		**62,542**
2	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh**	**298,474**	**316,665**			**316,665**	-	**316,665**
a	Bổ sung cân đối	231,351	314,288			314,288		314,288
b	Bổ sung để thực hiện các chính sách tiền lương	33,626				-		-
c	Bổ sung có mục tiêu	33,497	2,377			2,377		2,377

Thu khác và phạt các loại: 2.500 triệu đồng

Trong đó:

Xã, thị trấn thu: 200 triệu đồng

Công an huyện: 1.150 triệu đồng

Hạt kiểm lâm: 950 triệu đồng

Các đơn vị khác: 200 triệu đồng

BIỂU 02: CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-UBND, ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chư Pưh)

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
	TỔNG CHI	**372,355**	**379,207**	**7,128,170,366**		
A	**CHI ĐẦU TƯ XD CƠ BẢN**	**55,497**	**61,797**		*Có bảng chi tiết kèm theo (Danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022)*	
I	Nguồn vốn Tỉnh phân cấp	19,453	19,453			
II	Nguồn tiền sử dụng đất	36,000	42,300			
III	Chi 30% thu tiền thuê đất chuyển về tỉnh	44	44			
B	**CHI THƯỜNG XUYÊN**	**307,081**	**308,146**			
I	**Sự nghiệp kinh tế**		**7,452**			
1	Sự nghiệp nông nghiệp		800	10,000,000	Lễ phát động trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ, trồng cây phân tán:	100,000,000
				30,000,000	Kinh phí triển khai Đề án "Phát triển sản xuất nông nghiệp - dịch vụ nhằm khai thác hiệu quả công trình hồ chứa Plei Thơ Ga, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai", gồm : Tập huấn, tuyên truyền xây dựng các mô hình chuyển đổi sản xuất nông nghiệp theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), mô hình sản xuất hữu cơ, tập huấn mô hình dịch vụ du lịch sinh thái, biển quảng bá, giới thiệu để kêu gọi đầu tư thực hiện Đề án; tổ chức học tập kinh nghiệm phát triển mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái và phát triển sản phẩm OCOP ngoài tỉnh	300,000,000
				30,000,000	Hỗ trợ chi phí đánh giá và cấp Giấy Chứng nhận nông nghiệp hữu cơ hoặc quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) choTổ hợp tác sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã Nông nghiệp	300,000,000
				10,000,000	Xây dựng thí điểm mô hình hợp tác xã ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh tại 03 hợp tác xã điểm của huyện, gồm: tập huấn, cài đặt phần mềm nhật ký điện tử sản xuất nông nghiệp, phần mềm kinh tế nông nghiệp và kế toán hợp tác xã nông nghiệp	100,000,000
2	Kinh phí đối ứng thực hiện dự án "ứng dụng tiến bộ KHCN xây dựng vùng chuyên canh cây có múi theo Viet Gap"		400		Từ vốn khoa học công nghệ	400,000,000
3	Sự nghiệp lưu trữ (03 biên chế)		258	6,000,000	Chi con người	258,132,000
4	Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện		1,743	26,000,000	Chi con người	1,434,144,000
				1,000,000	Rà soát dân di cư tự do	10,000,000
				1,500,000	Tập huấn dân di cư tự do, bố trí dân cư:	15,000,000
				1,000,000	Tập huấn kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh gia súc	10,000,000
				1,000,000	Tập huấn các biện pháp kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh cây trồng	10,000,000
					Kinh phí tiêm vắc xin lở mồm long móng	144,000,000
				4,000,000	Mô hình ủ thức ăn xanh cho dê	40,000,000
				8,000,000	Mô hình sản xuất năng suất cao	80,000,000
5	Sự nghiệp giao thông		70	7,000,000		70,000,000
-	BCĐ An toàn giao thông		70	7,000,000	*Cấp qua phòng Kinh tế hạ tầng*	70,000,000
-	Sữa chữa biển báo ATGT		-			
					Giao thu	**500,400,000**
					Giao chi	**4,681,081,053**

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
6	Sự nghiệp môi trường	3,014	4,181		Tiền Lương, BHYT-BHXH, BHTN, KP công đoàn: 34 người/201.882.137đ*12tháng	2,343,481,314
				15,200,000	Chi thường xuyên cho con người (34 người)	152,000,000
				6,000,000	Chi bảo hộ lao động (2.000.000*30 người)	60,000,000
				5,000,000	Chi làm thêm giờ	50,000,000
					Xăng dầu nhớt phục vụ xe chở rác, máy cắt cỏ.	320,000,000
					Tiền điện chiếu sáng trên địa bàn huyện cụ thể như sau:	739,139,739
				22,000,000	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng + thuê xe cẩu để SC hệ thống điện chiếu sáng trên toàn huyện Chư Pưh	220,000,000
				10,000,000	Mua thùng rác, xe cải tiến, Ia Le, Ia Phang và toàn TT nhơn hòa, Ia Hrú, Ia Rong, Ia Dreng	100,000,000
					Tiền nước tưới cây xanh khu TTHC huyện và phục vụ nước Hội trường 10/12, Tiền thuê xe chở nước tưới cây xanh vỉa hè dọc QL 14	50,000,000
				5,000,000	Tiền phân, thuốt sâu, rầy, sửa chữa ống nước, vòi nước....	50,000,000
					Thay lốp, ruột ôtô 02 xe ép rác: 12 chiếc*3.150.000đ*2 xe (1 năm 2 cặp lốp + ruột)	65,000,000
				9,000,000	Đào ủi và san lấp rác	90,000,000
				3,000,000	Thuốc diệt ruồi (bãi rác)	30,000,000
				3,000,000	Thuốc xử lý chôn lấp rác thải)	30,000,000
				12,000,000	Đại tu, Sửa chữa thường xuyên 2 xe ép rác + Thay bình ắc quy 2 xe	120,000,000
					Phí sử dụng đường bộ, đăng kiểm xe ép rác, bảo hiểm xe	49,000,000
				4,500,000	Mua sắm, thay thế dụng cụ lao động	45,000,000
					Thuê bao Wifi hội trường 10/12 (600.000*12 tháng)	6,420,000
				3,500,000	Sửa chữa thùng, xe cải tiến, hư hỏng, mục nát.	35,000,000
				2,500,000	Xà phòng, giấy vệ sinh, điện, nước, sửa chữa, thay thế, phục vụ H T 10/12, Mua cờ treo Đài tưởng niệm, cổng chào huyện	25,000,000
				5,000,000	Sửa chữa, giao thông thay ống cống, nắp cống (đảm bảo an toàn giao thông thay thế nắp cống.....)	50,000,000
					Thuế TNDN 5%và GTGT 5% và thuế môn bài 1tr (500.400.000*10%)	51,040,000
7	Sự nghiệp khoa học công nghệ	400			đã bố trí ở sự nghiệp nông nghiệp	
II	**Kiến thiết thị chính**		**5,000**	500,000,000		
1	Kinh phí kiến thiết đô thị		5,000	500,000,000	*Có danh mục đầu tư kèm theo (Trong danh mục đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022)*	
III	**Sự nghiệp văn xã**		**198,928**			
1	Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo	162,384	162,384			
-	Chi cấp I, cấp II, mẫu giáo		118,452	819,900,000		
-	Kinh phí bồi dưỡng học sinh cấp 3 có học lực yếu		80	8,000,000		
-	Chi Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị		1,017	10,000,000	Chi con người:	533,870,000
				48,283,500	chi mở lớp	482,835,000
-	Chi Hội Cựu giáo chức		50	5,000,000		
-	Chi Hội Khuyến học		50	5,000,000		
-	Chi hỗ trợ Trung tâm Học tập cộng đồng		225			225,000,000
-	Chi công tác phổ cập các cấp ở các xã, thị trấn		514			514,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
-	Chi Trung tâm Giáo dục NN-GDTX		716	10,000,000	Chi con người:	544,563,000
				17,103,000	chi mở lớp	171,030,000
-	Chi công tác đào tạo cán bộ		100	10,000,000		100,000,000
-	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3,4, 5 tuổi		3,373			3,373,000,000
-	Hỗ trợ học sinh và trường PT ở xã, thôn ĐBKK theo Nghị định 116		2,712			2,712,000,000
-	Kinh phí chi trả học bổng và mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho học sinh khuyết tật theo Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTB&XH		380			380,000,000
-	Hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định 66/2013/QĐ-TTg		197			197,000,000
-	Hỗ trợ học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ		1,006			1,006,000,000
-	Cấp bù miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ		1,374			1,374,000,000
-	học bổng học sinh dân tộc Nội trú theo Thông tư liên tịch số 43 /2007/TTLT-BTC-BGDĐT		4,291			4,291,000,000
-	Kinh phí Trường THCS Dân tộc nội trú		5,076	49,500,000		5,076,000,000
-	Kinh phí trường bán trú		2,863	33,500,000		2,863,000,000
-	Kinh phí chi tăng giờ phát sinh ngoài định mức phân bổ đầu năm 2022 và chi các nội dung phát sinh khác.		7,000	700,000,000	Sẽ phân bổ chi tiết sau khi xin ý kiến Thường trực HĐND huyện; Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy	7,000,000,000
-	Kinh phí chi khác Phòng Giáo dục-ĐT		2,038	203,800,000	*(có biểu chi tiết kèm theo)*	2,038,000,000
-	Bố trí cho Phòng Giáo dục-ĐT chi trả nợ tạm ứng năm 2016 (để hoàn ứng NS huyện)		2,143	214,300,000		2,143,000,000
-	Chi phí bồi dưỡng giáo viên dạy liên môn theo chương trình mới		102	10,200,000		102,000,000
-	Mua máy phô tô, lắp đặt phòng máy, mua bàn ghế, sửa chữa nhỏ và trang thiết bị tối thiểu (kinh phí sửa chữa trường lớp; mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu)		8,626	862,600,000	Sẽ phân bổ chi tiết sau khi xin ý kiến Thường trực HĐND huyện; Thường trực, Ban Thường vụ Huyện ủy	8,626,000,000
2	Sự nghiệp Y tế		375			
-	Hội Chữ thập đỏ		375	6,000,000	Chi con người	303,476,430
				1,200,000	Ban chỉ đạo hiến máu tình nguyện	12,000,000
				3,000,000	Tuyên truyền lễ hiến máu tình nguyện	30,000,000
				1,500,000	Tập huấn công tác hội chữ thập đỏ + An toàn thực phẩm	15,000,000
				1,500,000	Tập huấn sơ cấp cứu phòng chống tai nạn, phòng chống đuối nước, tai nạn giao thông trong học đường	15,000,000
				14,000,000	Chi con người	688,294,000
				11,000,000	Kinh phí hoạt động tuyên truyền thông tin lưu động	110,000,000
				3,000,000	Tổ chức Hội thi Văn hóa – Công chiêng năm 2022	30,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
3	Sự nghiệp VHTT (Trung tâm Văn hóa TT&TT)		1,168	5,000,000	Tổ chức hội diễn nghệ thuật quần chúng	50,000,000
				4,000,000	Mua dàn đèn sân khấu	40,000,000
				10,000,000	Tuyên truyền các ngày lễ lớn	100,000,000
				2,000,000	Tuyên truyền dịch bệnh covid 19	20,000,000
				2,000,000	Tăng nhíp xe ô tô, bảo hiểm, lốp	20,000,000
				3,000,000	Tham gia ngày hội văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai	30,000,000
				3,000,000	Tham gia hội diễn nghệ thuật quần chúng các huyện biên giới mở rộng	30,000,000
				1,000,000	Mua máy quyét mã vạch sách	10,000,000
				1,500,000	Mua kệ đựng sách	15,000,000
				2,500,000	Mua sách các loại phục vụ bạn đọc	25,000,000
4	Sự nghiệp TDTT (Trung tâm Văn hóa TT&TT)		551	4,000,000	Chi con người	206,143,000
				5,500,000	Hội thao Mừng Đảng–Mừng xuân năm 2022	55,000,000
				2,000,000	Giải bóng đá Thiếu niên – Nhi đồng năm 2022	20,000,000
				1,500,000	Giải việt dã năm 2022	15,000,000
				2,000,000	Giải cầu lông nam, nữ toàn huyện	20,000,000
				2,500,000	Tham gia giải bóng đá Thiếu niên – NĐ toàn tỉnh năm 2022	25,000,000
				10,000,000	Thamn dự đại hội thể dục thể thao tỉnh	100,000,000
				2,200,000	Tham gia Hội thi Thể thao các DTTS toàn tỉnh năm 2022	22,000,000
				2,200,000	Tham gia giải võ cổ truyền toàn tỉnh năm 2022	22,000,000
				2,200,000	Tham gia giải võ Karatedo toàn tỉnh năm 2022	22,000,000
				2,200,000	Tham gia giải võ vovinam toàn tỉnh năm 2022	22,000,000
				2,200,000	Tham gia giải việt dã báo Gia Lai năm 2022	22,000,000
5	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		33,459		Hỗ trợ thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, người cao tuổi, người khuyết tật (tỉnh cấp mục tiêu)	30,172,000,000
					Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách (tỉnh cấp mục tiêu)	2,772,000,000
					Thăm hỏi các gia đình CS, tọa đàm nhân ngày 27/7	65,000,000
					Chi bảo trợ xã hội khác (hỗ trợ đột xuất)	100,000,000
				5,000,000	Tổ chức ngày Quốc tết thiếu nhi 1/6	50,000,000
				1,000,000	Tổ chức tháng hành động về ATVSLĐ	10,000,000
				5,000,000	Tổ chức trung thu	50,000,000
				2,000,000	Vận chuyển, bốc vác gạo cứu đói 3 đợt	20,000,000
				1,500,000	Tập huấn cho cán bộ xã, thôn làng về chính sách BTXH, CS mới	15,000,000
				1,000,000	Điều tra cung cầu Lao động	10,000,000
				8,000,000	Điều tra, rà soát hộ nghèo	80,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
				4,000,000	Tổ chức diễn đàn trẻ em các cấp	40,000,000
				1,000,000	Chi hoạt động Ban liên lạc tù chính trị	10,000,000
				1,000,000	Kinh phí Ban chỉ đạo Hội nghị giảm nghèo	10,000,000
				3,000,000	Tổ chức dâng hương Đài tưởng niệm	30,000,000
				1,000,000	Tổ chức tháng hành động Người cao tuổi	10,000,000
				1,500,000	Chúc mừng thọ các cụ tròn 95 và trên 100 tuổi	15,000,000
6	Sự nghiệp Truyền thanh-TH (Trung tâm Văn hóa TT&TT)		990	14,000,000	Chi con người	699,630,000
					Kinh phí chi trả tiền điện phát sóng phát thanh, truyền hình hàng tháng theo giá mới của Điện lực Chư Pưh.(3.500.000 đ/tháng x 12 tháng)	42,000,000
					Kinh phí chi trả tiền phát chuyên mục truyền hình cho đài tỉnh 9 theo công văn số 99/PT-TH ngày 18/6/2018 của Đài PT-TH tỉnh).	36,000,000
				1,200,000	Chi trả thù lao cho phát thanh viên biên dịch chuyên mục tiếng Jrai để phát trên sóng đài huyện (02 lần/tháng theo kết luận số 04-KL/BCĐ ngày 01/8/2018 của đồng chí Bí thư Huyện ủy tại Hội nghị sơ kết về đấu tranh chống âm mưu, hoạt động "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa 6 tháng đầu năm 2018).	12,000,000
				20,000,000	Công tác tác nghiệp	200,000,000
IV	**Chi quản lý hành chính**		**21,157**			
1	Quản lý nhà nước		10,459	246,000,000	*Có bảng định mức kèm theo*	
2	Khối Đảng		4,672	96,200,000	*Có bảng định mức kèm theo*	
3	Khối Đoàn thể		3,647	74,000,000	*Có bảng định mức kèm theo*	
4	Chi hoạt động HĐND huyện		2,380	126,919,450	*Có biểu chi tiết kèm theo*	
V	**Một số nhiệm vụ chi khác**	-	**13,696**			
01	Phòng Văn hóa-TT		297	1,200,000	Đoàn kiểm tra liên ngành trong lĩnh vực dịch vụ Văn hóa, Thông tin, truyền thông	12,000,000
				3,500,000	Tổ chức Hội thi tuyên truyền và tìm hiểu kiến thức pháp luật về xây dựng xã Văn hóa nông thôn mới của huyện và tham gia ở tỉnh	35,000,000
				14,000,000	Mở 02 lớp dạy cồng chiêng và mua 02 bộ cồng chiêng phục vụ cho công tác bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa cồng chiêng	140,000,000
				2,000,000	Tổ chức lễ phát động ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2022	20,000,000
				1,000,000	Tổ chức lễ phát động toàn dân tập luyện môn bơi, chống đuối nước năm 2022	10,000,000
				5,000,000	Kinh phí thông tin truyền thông (hợp đồng tuyên truyền trên các báo)	50,000,000
				1,500,000	Tham dự hội thao ngành văn hóa	15,000,000
				1,500,000	Tổng kết phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	15,000,000
02	Hoạt động văn phòng điều phối NT mới		50	5,000,000	Cấp về Phòng Nông nghiệp và PTNT	
03	Phòng Nông nghiệp và PTNT		300	3,000,000	Chi công tác phòng chống thiên tai, điều tiết nước tưới chống nắng nóng, khô hạn vụ đông xuân năm 2021-2022	30,000,000
				5,000,000	Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra vật tư NN	50,000,000
				5,000,000	Hợp đồng tuyên truyền trên các tạp chí, báo.	50,000,000
				12,000,000	Kinh phí hỗ trợ các xã điều tra, phân tích mẫu nước đánh giá Bộ chỉ số nước hợp vệ sinh, nước sạch nông thôn	120,000,000
				5,000,000	Thuê máy chủ cài đặt bản đồ thổ nhưỡng	50,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
04	Phòng Kinh tế-HT		290	700,000	Kiểm tra An toàn thực phẩm lĩnh vực công thương	7,000,000
				3,000,000	Chi hội thi tuyên truyền viên giỏi về ATGT huyện và tham gia tỉnh	30,000,000
				2,800,000	Cắm mốc phấn lô đấu giá Quy hoạch Khu đất mở rộng khu dân cư Đông bắc Nguyễn Thái học	28,000,000
				6,400,000	Cắm mốc phân lô khu đấu giá điểm dân cư thôn Phú an, xã Ia Le	64,000,000
				3,000,000	Quy hoạch khu đấu giá điểm dân cư thôn Phú an, xã Ia Le	30,000,000
				11,400,000	Cắm mốc phân lô đấu giá quy hoạch trụ sở TT mới, công an thị trấn và khu dân cư xung quanh	114,000,000
				1,700,000	Kinh phí cấp phép rượu, bia, thuốc lá …	17,000,000
05	Huyện đoàn		345	2,000,000	Tổ chức hoạt động hè thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên và chiến dịch thanh niên tình nguyện hè năm 2022	20,000,000
				2,500,000	Tổ chức thi tin học trẻ huyện Chư Pưh lần thứ VII năm 2022 và tham gia Hội thi tin học trẻ tỉnh Gia Lai lần thứ XXI, năm 2022	25,000,000
				1,000,000	Tham gia Hội thi Thắp sáng ước mơ tuổi trẻ gia lai năm 2022 với chủ đề "Em là cán bộ đoàn"	10,000,000
				2,000,000	Tham gia trại huấn luyện cán bộ Đoàn - hội toàn tỉnh lần thứ VII và công nhận huấn luyện viên cấp tỉnh năm 2022 (30 người)	20,000,000
				2,000,000	Tham gia huấn luyện giáo viên - TPT Đội năm 2022 và tuyên dương "giáo viên, giảng viên làm công tác Đoàn, Đội trường học tiêu biểu" (30 người)	20,000,000
				500,000	Tổ chức các hoạt động tháng thanh niên năm 2022	5,000,000
				500,000	Tổ chức hoạt động "Tư vấn - Tiếp xúc mùa thi" năm 2022 (20 người)	5,000,000
				1,500,000	Tổ chức Hội thi Bí Thư Chi Đoàn giỏi năm 2021. Tham gia Hội thi Bí thư Đoàn giỏi cấp tỉnh năm 2022	15,000,000
				1,000,000	Giám sát và phản biện xã hội	10,000,000
				2,000,000	Tổ chức Liên hoan tuyên dương thiếu nhi nghèo vượt khó học giỏi cấp huyện và tham gia cấp tỉnh	20,000,000
				1,000,000	Tham gia hoạt động về nguồn tại xã Kroong, huyện Kbang do tỉnh đoàn tổ chức	10,000,000
				1,500,000	Tổ chức lớp kỹ năng sống "Học làm người có ích" cho thiếu nhi các trường TH, THCS trên toàn huyện (90 em)	15,000,000
				1,500,000	Tổ chức chương trình *"Gặp mặt sinh viên Tiêu biểu trong toàn huyện trên tất cả các lĩnh vực học tập"* và tham gia gặp mặt tại tỉnh năm 2022	15,000,000
				1,000,000	Tổ chức chiến dịch Thanh niên tình nguyện hè 2022	10,000,000
				1,000,000	Xây dựng làng Thanh niên 2 không 2 có (tại làng nông thôn mới)	10,000,000
				7,000,000	Đại hội Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cấp huyện, nhiệm kỳ 2022 - 2027	70,000,000
				1,500,000	Tham gia Trại huấn luyện đoàn trường học năm học 2021 - 2022	15,000,000
				1,000,000	Tổ chức Ngày hội giao lưu, trang bị kỹ năng hoạt động công tác Đoàn - Hội cấp cơ sở	10,000,000
				1,000,000	Lễ thắp nến tri ân kỷ niệm Ngày thương binh liệt sỹ 27/7	10,000,000
				1,000,000	Đăng cai giao ban cụm	10,000,000
				1,000,000	Tổ chức sinh hoạt chi đoàn mẫu	10,000,000
				1,000,000	Chăm sóc cây xanh đường vào hồ Plei thơ ga	10,000,000
				1,000,000	Tổ chức giám sát theo QĐ 217-QĐ/TW và QĐ 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (Khóa XI)	10,000,000
				1,500,000	Tổ chức CT "Đồng hành cùng phụ nữ biên cương"	15,000,000
				1,500,000	Tổ chức hoạt động ngày Gia đình Việt Nam 28/6	15,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
06	Hội LHPN		235	2,000,000	Đề án 1893:Đề án *"Bồi dưỡng cán bộ, công chức Hội LHPN các cấp và Chi hội trưởng phụ nữ giai đoạn 2019-2025"*.	20,000,000
				4,000,000	Tổ chức Các hoạt động lớn Đề án 938 và Đề án 939; Gồm: Đề án: 938 "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã	40,000,000
				1,500,000	Tổ chức các hoạt động chào mừng Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2022-2027	15,000,000
				1,000,000	Tổ chức lễ phát động thực hiện chủ đề năm 2022 gắn với phát động cuộc thi "Tìm hiểu Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Gia Lai lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2021-2026	10,000,000
				2,500,000	Tổ chức Hội thi phụ nữ tài năng duyên dáng (8/3)	25,000,000
				1,000,000	Hoạt động về nguồn "Thăm khu căn cứ cách mạng và bia di tích Hội LHPN giải phóng tại xã Krong, huyện Kbang	10,000,000
				2,000,000	Tổ chức Hội thi "Tìm hiểu Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ huyện, tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026	20,000,000
				1,500,000	Hoạt động "Mỗi phụ nữ trồng một cây xanh", "Mỗi cơ sở hội một công trình cây xanh"	15,000,000
				2,000,000	Tổ chức hội thi phụ nữ "Sáng tạo khởi nghiệp và trưng bày sản phẩm khởi nghiệp và tham gia tại tỉnh"	20,000,000
				1,000,000	Hoạt động tuyên truyền Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ các cấp tại 74 chi bộ	10,000,000
				1,000,000	Kinh phí sinh hoạt chi hội mẫu	10,000,000
07	Văn phòng Huyện ủy		2,635		**Văn phòng Huyện ủy**	**1,697,324,000**
					Phụ cấp ủy viên ban chấp hành theo QĐ 169	228,864,000
					Phụ cấp báo cáo viên cấp huyện	103,704,000
				70,000,000	Chi khác	700,000,000
				55,402,800	Kinh phí 856	554,028,000
					Phụ cấp cấp ủy theo QĐ 169	10,728,000
				10,000,000	Kinh phí sửa chữa 02 xe ô tô	100,000,000
					Ban dân vận	**82,000,000**
				4,000,000	Ban chỉ đạo quy chế dân chủ	40,000,000
				1,000,000	Công tác phối hợp với chính quyền và các ngành	10,000,000
				1,200,000	Giao ban công tác dân vận	12,000,000
				500,000	Hoạt động mô hình nông hội	5,000,000
				1,500,000	Ban chỉ đạo tôn giáo	15,000,000
					Ủy ban kiểm tra	**60,000,000**
				4,000,000	Kinh phí phục vụ đoàn kiểm tra	40,000,000
				2,000,000	Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng	20,000,000
					Ban tuyên giáo	**326,244,000**
				3,300,000	Ban học tập và làm theo TGĐĐ HCM	33,000,000
					Kinh phí báo cáo viên	20,000,000
				20,172,400	Kinh phí ban chỉ đạo 35	201,724,000
					Phụ cấp đội ngũ cộng tác viên dư luận	71,520,000
					Ban tổ chức	**469,000,000**
				8,000,000	Ban phát triển đảng viên 04	80,000,000
				1,800,000	Hội nghị giao ban cụm ngành tổ chức xây dựng Đảng	18,000,000
				32,500,000	Ban bảo vệ sức khỏe	325,000,000
				4,600,000	Kinh phí khen thưởng	46,000,000
				5,000,000	Chi khác	50,000,000
				5,000,000	Tổ chức ngày Hội Đại đoàn kết	50,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
08	Ủy ban MTTQVN		382	2,000,000	Hội nghị kiểm tra chéo cụm thi đua số 2 (02 hội nghị)	20,000,000
				1,500,000	Công tác giám sát và phản biện xã hội theo QĐ 217,218 của Bộ chính trị	15,000,000
				2,880,000	Sinh hoạt phí cán bộ không hưởng lương (đề nghị không trừ tiết kiệm 10 %)	28,800,000
				1,500,000	Hoạt động ban vận động quỹ vì người nghèo (Quyết định số 1198 ngày 29/12/2016 của UBMT TW)	15,000,000
				1,000,000	Hoạt động ban tư vấn UBMT huyện (thông tư 35/2018/tt-BTC)NQ số 99/2018 ngày 6/12/2018 của HDND Tỉnh Gia Lai	10,000,000
				1,500,000	Hội nghị sơ kết Quy chế phối hợp với các ngành (02 Hội nghị)	15,000,000
				3,000,000	Chi tổ chức gặp mặt, biểu dương già làng, người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	30,000,000
				1,000,000	Kinh phí đưa đoàn già làng, uy tín tiêu biểu gặp mặt ở tỉnh (60 người)	10,000,000
				2,000,000	Chi tổ chức Hội nghị gặp mặt chức sắc, tôn giáo năm 2022	20,000,000
					Phụ cấp cấp ủy theo 169 (không trừ tiết kiệm)	5,364,000
				8,000,000	Kinh phí cốt cán	80,000,000
				250,000	In sổ tay công tác Mặt trận xã, thị trấn (100 cuốn x 25,000,000 đồng)	2,500,000
				1,000,000	Tổ chức Hội nghị sinh hoạt mẫu Ban công tác Mặt trận thôn(mỗi hội nghị 100 đại biểu không hưởng lương	10,000,000
				2,000,000	Tổ chức biểu dương, khen thưởng các hộ gia đình tiểu biểu thực hiện cuộc vận động làm thay đổi nếp nghĩ cách làm cách làm trong cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững	20,000,000
09	Hội Cựu chiến binh		245	1,000,000	Giao ban cụm thi đua số 3	10,000,000
				1,000,000	Tổ chức Triển khai công tác giám sát và phản biện xã hội theo Quyết định 217,218 của Bộ chính trị.	10,000,000
				8,000,000	Hỗ trợ các thôn, làng ra mắt mô hình "Ánh sáng và tiếng kẻng an ninh" và mô hình "Ánh sáng Camera và tiếng kẻng an ninh" trong toàn huyện Theo kế hoạch số 29/KH-CCB ngày 27/8/2020 của Hội CCB huyện đã được Ban Thường trực Huyện ủy phê duyệt	80,000,000
				1,000,000	Hội nghị triển khai nhiệm vụ công tác hội năm 2022 và triên khai Đại hội nhiệm kỳ 2022-2027.	10,000,000
				1,000,000	Hội nghị sơ kết 3 năm mô hình "Ánh sáng và tiếng kẻng an ninh"	10,000,000
				1,000,000	Hội nghị triển khai kế hoạch kết nghĩa giữa chi hội người kinh và chi hội người đồng bào	10,000,000
				1,000,000	Ra mắt mô hình điểm "Anh sáng Camera và tiếng kẻng an ninh" gắn với mô hình "4 không và "5 không" của tỉnh và huyện Theo kế hoạch số 29/KH-CCB ngày 27/8/2020 của Hội CCB huyện đã được Ban Thường trực Huyện ủy phê duyệt	10,000,000
				7,000,000	Tổ chức Đại hội đại biểu Cựu chiến binh huyện khóa IV, nhiệm kỳ 2022-2027	70,000,000
				1,000,000	Tham dự Đại hội đại biểu Cựu chiến binh tỉnh khóa VII, nhiệm kỳ 2022-2027	10,000,000
				500,000	Hội nghị trao kỷ niệm chương cho hội viên CCB	5,000,000
				1,000,000	KP Sinh hoạt hội CCB cấp xã điểm	10,000,000
				1,000,000	KP sinh hoạt hội CCB thôn, làng điểm	10,000,000
10	Phòng Dân tộc		325	2,000,000	Tập huấn phổ biến tuyên pháp luật về Chính sách của DTTS	20,000,000
				1,500,000	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống của người DTTS	15,000,000
				1,500,000	Rà soát bình xét và gặp mặt người có uy tín trong vùng đồng bào Dân tộc thiểu số	15,000,000
				1,500,000	Phối hợp cấp thẻ BHYT cho đồng bào	15,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
					Kinh phí thực hiện đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào DTTS	250,000,000
				1,000,000	Kiểm tra quản lý chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025	10,000,000
11	Phòng Nội vụ		1,103	50,000,000	Chi khen thưởng	500,000,000
				10,000,000	Công tác tôn giáo	100,000,000
				2,000,000	Kiểm tra quản lý mốc địa giới	20,000,000
				1,300,000	Kiểm tra công tác nội vụ	13,000,000
				4,000,000	Chi công tác cải cách HC, kiểm tra CCHC và tổ chức tập huấn	40,000,000
				3,000,000	Tổ chức Hội thi về Cải cách hành chính	30,000,000
				38,534,000	Đề án chỉnh lý hồ sơ kho lưu trữ (Theo Đề án đã được UBND huyện phê duyệt)	385,340,000
				1,500,000	Tập huấn và làm sổ tay cho thôn trưởng	15,000,000
12	Ban Tiếp Công dân		132		Phụ cấp bồi dưỡng cán bộ tiếp công dân (20 người x 3/tháng x 12 tháng x 100.000đ/người) theo thông tư 320/2016/TT-BTC và nghị quyết 66/2017/NQ-HĐND	72,000,000
				6,000,000	Chi thường xuyên	60,000,000
13	Văn phòng HĐND-UBND huyện		1,507	70,000,000	Chi khác của UBND huyện	700,000,000
					Kinh phí thuê dịch vụ bưu chính công ích năm 2022	146,000,000
				8,000,000	Bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống phần mềm CNTT	80,000,000
				9,600,000	Thuê máy chủ hệ thống quản lý VBĐH	96,000,000
				8,000,000	Mua sắm vật dụng, sửa chữa nhỏ, thuê nhân công duy trì hoạt động nhà khách.	80,000,000
				10,000,000	Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử huyện	100,000,000
				6,000,000	Kiểm soát thủ tục hành chính	60,000,000
				4,200,000	Hệ thống ISO (Ban chỉ đạo)	42,000,000
				2,000,000	Phần mềm diệt virut cho máy chủ	20,000,000
				2,300,000	Kinh phí hoạt động Ban chỉ huy tự vệ khối UBND huyện	23,000,000
				10,000,000	Kinh phí thay nhớt bảo dưỡng và sữa chữa 02 xe ô tô	100,000,000
				2,000,000	Tổ chức lễ phát động vệ sinh ATTP	20,000,000
				2,000,000	Tổ chức lễ phát động phòng chống thuốc lá 31/5:	20,000,000
				2,000,000	Tổ chức lễ phát động phòng chống HIV/AIDS	20,000,000
14	Hội Nông dân		432	15,000,000	mô hình phát triển kinh tế (Thực hiện Kết luận 61 và Quyết định 673-QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ)	150,000,000
				15,000,000	Bổ sung Quỹ hỗ trợ nông dân (Thực hiện Kết luận 61 và Quyết định 673-QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ)	150,000,000
				1,000,000	Chi hoạt động đối thoại với nông dân (thực hiện quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ)	10,000,000
				1,200,000	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức công tác tuyên truyền pháp luật, trợ giúp pháp lý và kỹ năng cho cán bộ Hội (thực hiện quyết định số 81/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ)	12,000,000
				1,200,000	Tổ chức tập huấn về nhân rộng các mô hình, quy trình sản xuất kinh doanh nông sản, thực phẩm an toàn	12,000,000
				1,000,000	Giao ban cụm thi đua gồm 7 huyện (Chư Pưh, Chư Sê, Chư Prong, Ia Grai, Đức Cơ, Pleiku, Chư Pah)	10,000,000
				1,000,000	Thực hiện chương trình giám sát theo Quyết định 217 của Bộ Chính trị	10,000,000
				1,000,000	Tham dự Phiên chợ nông sản an toàn do Hội Nông dân tỉnh tổ chức	10,000,000
				-	Tổ chức Hội thi "Nhà nông đua tài" lần thứ IV và tham gia Hội thi tại tỉnh	

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
				800,000	hỗ trợ tiền tặng Kỷ niệm chương Vì giai cấp nông dân năm 2022	8,000,000
				1,500,000	Tham gia hội thi Nhà nông đua tài tại tỉnh năm 2022	15,000,000
				1,500,000	tổ chức Hội thi sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu tại huyện lần thứ I và tham gia tại tỉnh	15,000,000
				2,000,000	tổ chức hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi cấp huyện giai đoạn 2017-2022	20,000,000
				1,000,000	Bổ sung kinh phí cho Ban chỉ đạo Đề án 61 huyện hoạt động	10,000,000
15	Phòng Tài chính-KH		265	5,000,000	Nâng cấp, sữa chữa và thuê đường truyền hệ thống TaBmis:	50,000,000
				2,500,000	Ban chỉ đạo xây dựng chỉ tiêu kinh tế, xã hội, ngân sách:	25,000,000
				12,000,000	Chi trả tiền thuê trung tâm dịch vụ bán đấu VVP, tuyên truyền phục vụ tổ chức công tác đấu giá đất theo quy định tại Nghị định số 17/NĐ - CP và hoạt động hội đồng phát triển quỹ đất:	120,000,000
				3,000,000	In ấn mua phôi vật tư văn phòng để phục vụ công tác cấp Giấy phép kinh doanh:	30,000,000
				4,000,000	sửa chữa phòng làm việc bị xuống cấp, hư hỏng, ẩm thấp, đột nước	40,000,000
16	Hội Người cao tuổi		100	1,500,000	Tổ chức CLB dưỡng sinh kiểu mới	15,000,000
				1,500,000	Phát động tháng hành động NCT huyện (tháng 10/2021) Quyết định số 544/2015/QĐ-TTg	15,000,000
				2,100,000	Thành lập mô hình CLB kiểu mẫu múa hát	21,000,000
				1,200,000	Tổ chức Hội nghị Tổng kết chương trình công tác hội và phong trào tuổi cao gương sáng năm 2021 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm 2022	12,000,000
				1,500,000	Thành lập CLB sách báo	15,000,000
				1,500,000	Tổ chức phát động phong trào thi đua yêu nước, tuổi cao gương sáng	15,000,000
				700,000	Tổ chức hội thi tiếng hát và các loại hình múa hát CLB	7,000,000
17	Hội Nạn nhân chất độc da cam		50	5,000,000	Khi huyện giao nhiệm vụ sẽ bố trí cấp kinh phí	
18	Phòng Tài nguyên MT		160	2,500,000	Kiểm tra công tác môi trường	25,000,000
				3,500,000	Xây dựng mô hình phân loại rác thải tại nguồn	35,000,000
				10,000,000	Thu thập dữ liệu tài nguyên môi trường	100,000,000
19	Thăm đối tượng tết		912	91,200,000	Sau khi có KH của huyện sẽ phân bổ cụ thể về từng đơn vị	
20	Thanh tra huyện		158	2,600,000	Tiền trang phục ngành	26,000,000
				3,000,000	Chi tổ chức tập huấn, tuyên truyền công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực	30,000,000
				7,200,000	Chi giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo	72,000,000
				3,000,000	Chi Thanh tra đột xuất	30,000,000
21	Phòng Tư pháp		100	2,000,000	Công tác đăng ký quản lý hộ tịch, số hóa sổ hộ tịch, công tác chứng thực	20,000,000
				6,500,000	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở	65,000,000
				500,000	Công tác chuẩn tiếp cận pháp luật	5,000,000
				1,000,000	Chi hoạt động của hội đồng PHPBGDPL	10,000,000
22	Hội Luật gia		10	1,000,000	Khi giao nhiệm vụ sẽ đề xuất hỗ trợ kinh phí	
23	Hỗ trợ hoạt động công tác Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW		250		Phân bổ cho các Chi bộ của các phòng ban, đơn vị	
24	Ngân hàng chính sách		1,000	100,000,000	Bố trí tạo Quỹ cho vay hộ nghèo... trên địa bàn huyện	
					Giao Thu	**872,640,384**
					Thu tiền nước sạch	872,640,384
					Giao Chi	**1,725,772,783**
					Lương và các khoản đóng góp	525,387,819

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
25	Ban Quản lý cung cấp nước sạch huyện		853	17,400,000	Chi thường xuyên	174,000,000
				55,286,550	Điện máy bơm	552,865,500
					Thuế	131,518,464
				2,400,000	Bảo hộ lao động	24,000,000
				9,000,000	Mua hóa chất	90,000,000
				17,500,000	Sửa chữa máy bơm, đường ống, …	175,000,000
					Xét nghiệm 14 chỉ tiêu (1.760.000 *8 tháng)	14,080,000
					Xét nghiệm 19 chỉ tiêu (2.497.000 *4 tháng) 3 tháng lần	9,988,000
					Xét nghiệm 99 chỉ tiêu 1 năm 1 lần	18,933,000
				1,000,000	Công bố hợp quy sản phẩm nước sạch	10,000,000
26	Mua sắm tài sản các ngành		800	80,000,000	Sau khi rà soát nhu cầu các đơn vị, xã, TT sẽ phân bổ sau	
27	Kinh phí hoạt động đoàn Hội thẩm (cấp qua Tòa án)		50	5,000,000		
28	Đầu tư hệ thống truyền hình tại 05 xã còn lại		700	70,000,000		
29	Thực hiện đề án chuyển giao bộ phận 1 cửa sang bưu điện huyện		-			
30	Hỗ trợ liên đoàn lao động		10	1,000,000		
31	Kinh phí bầu cử		-			
32	Chi hỗ trợ đại hội thể dục thể thao		-			
33	Kinh phí làm đèn tín hiệu ATGT		-			
VI	**Chi An ninh-Quốc phòng**	**-**	**4,390**			
				22,500,000	Chi phòng chống tội phạm Hình sự, Ma túy, Kinh tế **(Đội CSĐT)**	225,000,000
				1,000,000	Chi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trường Giáo dưỡng + cơ sở giáo dục **(Đội CSĐT)**	10,000,000
				1,500,000	Chi lập hồ sơ đưa đối tượng đi cơ sở cai nghiện **(Đội CSĐT)**	15,000,000
				12,000,000	Chi tranh thủ tiếp xúc người có uy tín trong DTTS, tranh thủ tiếp xúc LL 03-04 **(Đội An ninh)**	120,000,000
				1,000,000	Chi tuyên truyền, hướng dẫn kiểm tra công tác bảo vệ Bí mật nhà nước trên địa bàn huyện **(Đội An ninh)**	10,000,000
				1,000,000	Chi tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Chỉ thị 15, quyết định số 44 của UBND tỉnh về công tác QLGD đối tượng Fulro tại cộng đồng **(Đội An ninh)**	10,000,000
				10,000,000	Chi tuyên truyền, quản lý giáo dục phòng ngừa hoạt động phục hồi fulrô, TLĐG , hoạt động trốn **(Đội An ninh)**	100,000,000
				1,000,000	Chi giải quyết các vụ liên quan đến AN nông thôn đang còn tồn đọng trên địa bàn huyện **(Đội An ninh)**	10,000,000
				1,000,000	Chi triển khai Kế hoạch đảm bảo ANTT kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 trên địa bàn huyện **(Đội An ninh)**	10,000,000
				15,000,000	Chi đảm bảo an toàn giao thông **(Đội CSGT)**	150,000,000
				2,000,000	Chi KP tuyển công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND **(Đội Tổng hợp)**	20,000,000
				4,500,000	Chi công tác chuyển hóa địa bàn **(Đội XDPT)**	45,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
1	An ninh		1,154	5,000,000	Chi phát động phong trào quần chúng BVANTQ **(Đội XDPT)**	50,000,000
				1,500,000	Chi thực hiện thông tư 23/2012/TT-BCA **(Đội XDPT)**	15,000,000
				4,000,000	Chi tập huấn lực lượng Công an xã và huấn luyện cấp giấy chứng nhận sử dụng CCHT cho LL CAX **(Đội XDPT)**	40,000,000
				1,500,000	Chi BCĐ phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân BVANTQ **(Đội XDPT)**	15,000,000
				2,000,000	Chi kinh phí xây dựng Mô hình " thi đua 02 không": "Không có nhóm họp phục hồi hoạt động FULRO, "Tin lành Degar"; Không có người DTTS trốn sang Campuchia, Thái Lan" tại xã Ia Hla **(Đội XDPT)**	20,000,000
				4,000,000	Chi xây dựng 02 mô hình trọng điểm trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm **(Đội XDPT)**	40,000,000
				1,500,000	Chi phục vụ hội nghị tổng kết công tác phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc (BCĐ PCTP) **(Đội XDPT)**	15,000,000
				4,000,000	Chi tập huấn cho lực lượng nòng cốt tham gia mô hình, tổ tự quản về ANTT trong phong trào TDBV ANTQ **(Đội XDPT)**	40,000,000
				3,500,000	Chi công tác thu gom; phát động thu gom; tiêu hủy VK, VLN, CCHT **(Đội QLHC)**	35,000,000
				4,900,000	Chi kinh phí tổ chức tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy cho LL PCCC cho lực lượng dân phòng **(Đội QLHC)**	49,000,000
				3,000,000	Chi kinh phí tuyên truyền về cư trú và rà soát dân cư tự do **(Đội QLHC)**	30,000,000
				2,500,000	Hỗ trợ công tác cấp CCCD **(Đội QLHC)**	25,000,000
				2,500,000	Chi in ấn các loại biểu mẫu phục vụ công tác xử lý vi phạm hành chính, an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội **(Đội QLHC)**	25,000,000
				1,000,000	Chi bồi dưỡng CBCS bảo vệ phiên tòa và bảo vệ cưỡng chế **(Đội THAHS và HTTP)**	10,000,000
				1,000,000	Chi tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật tại các xã, thị trấn và tại nhà tạm giam giữ **(Đội THAHS và HTTP)**	10,000,000
				1,000,000	Chi tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn công tác tái hòa nhập cộng đồng **(Đội THAHS và HTTP)**	10,000,000
2	Quốc phòng		3,236	1,800,000	Tổ chức hội nghị, tập huấn nghiệp vụ và B/cáo công tác quốc phòng địa phương	18,000,000
				1,000,000	Tổ chức và huy động lực lượng dự bị động viên	10,000,000
					Tổ chức hoạt động của LLDQTV theo quy định tại Luật Dân quân tự vệ và Nghị định 72/2020/NĐ-CP	2,271,025,200
				27,000,000	Thực hiện nhiệm vụ Hậu cần tại chỗ, chính sách hậu phương quân đội và chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân ở địa phương.	271,200,000
				7,500,000	Tổ chức thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, công tác tuyển quân	319,708,000
				2,000,000	Công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, công chức lãnh đạo chủ chốt	20,000,000
					Đào tạo cán bộ quân sự xã, phường, thị trấn	3,400,000
				1,000,000	Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội và các công trình quốc phòng, khu quân sự theo phân cấp.	10,000,000

TT	Nội dung	DỰ TOÁN 2022		tiết kiệm 10% (đồng)	Chi tiết	
		Tỉnh giao (triệu đồng)	Huyện giao (triệu đồng)		Nội dung	Số tiền (đồng)
				8,801,720	Diễn tập và hội thi, hội thao quốc phòng	88,017,200
				14,550,000	Các nhiệm vụ khác thuộc nhiệm vụ chi quốc phòng	224,900,000
VII	**Chi ngân sách xã**		**54,070**	668,686,946		
VIII	**Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa**		**3,183**		Theo mức tỉnh cấp	
IX	**Chi các nhiệm vụ phát sinh đột xuất**		**270**	27,000,000		
C	**Dự kiến chi từ nguồn tăng thu**		**552**			
1	Chi 70% thực hiện CCTL		386			
2	Khi có số tăng thu sẽ phân bổ		166			
D	**Chi dự phòng ngân sách**	**7,400**	**7,400**			
1	Dự phòng NS xã		968			
2	Dự phòng NS huyện		6,432			
E	**Kinh phí thực hiện giao rừng cho thuê rừng**	**1,078**	**1,078**		Tỉnh cấp mục tiêu	
F	**Kinh phí tăng cường công tác bảo vệ rừng cấp xã**	**194**			Tỉnh cấp mục tiêu (Đã phân bổ trong chi bổ sung NS xã, TT)	
G	**Hỗ trợ kinh phí Tiêu đội dân quân thường trực**	**871**			Tỉnh cấp mục tiêu (Đã cấp cho Huyện đội)	
H	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông**	**234**	**234**		bố trí kinh phí sữa chữa biển báo ATGT: 150 tr	
I	**Kinh phí hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa**					
K	**Hoàn trả tạm ứng kinh phí đại hội**		-		**Tỉnh cấp mục tiêu**	

UBND HUYỆN CHƯ PƯH **PHÒNG TÀI CHÍNH-KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/TCKH-NS V/v công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022	*Chư Pưh, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

Kính gửi: UBND huyện Chư Pưh

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT - BTC ngày 31/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2021/NQ - HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua dự toán thu - chi ngân sách năm 2021;

Phòng Tài chính - Kế hoạch đề xuất UBND huyện công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 như sau:

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Kính trình UBND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT-QLNS

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

Ngô Văn Thiêm